TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2019/DS-ST
Ngày: 26/8/2019
V/v tranh chấp: "*Hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

**** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Tám**

2. Ông **Trần Trung Nhân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Kim Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 26 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 195/2019/TLST–DS ngày 24 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2019/QĐXXST-DS ngày 10/7/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Đặng Thị L**, sinh năm: 1964.

Địa chỉ: Ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: - Bà **Dương Thị B**, sinh năm: 1964.

- Anh **Nguyễn Thanh T**, sinh năm: 1991.

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang..

(Bà L có mặt tại phiên tòa; Bà B, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đặng Thị L trình bày*: Bà với bà Dương Thị B là chỗ quen biết. Ngày 09/02/2016 âl, bà có cho bà B vay số tiền 30.000.000 đồng, có lập Biên nhận do bà B và con ruột bà B là Nguyễn Thanh T ký tên. Hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 3%/tháng, thời hạn vay là 01 năm. Sau khi vay, bà B đăng lãi cho tôi được 06 tháng thì ngưng. Sau đó, tôi có nhiều lần đến tìm gặp bà B để đòi thì bà B có trả cho tôi thêm được 7.000.000 đồng tiền lãi. Từ đó thì ngưng luôn cho đến nay. Nay tôi yêu cầu bà B và anh T phải liên đới trả cho tôi số tiền vốn vay là 30.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 09/02/2017 âl đến ngày 20/4/2019 âl là 23.730.000 đồng trừ

đi 7.000.000 đồng bà B đã trả còn lại 16.730.000 đồng, tổng cộng là 46.730.000 đồng, trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn bà Dương Thị B trình bày: Bà thừa nhận có vay của bà L số tiền 30.000.000 đồng như bà L trình bày là đúng. Bà thừa nhận Biên nhận ngày 09/02/2016 âl là do bà viết và ký tên. Còn anh T – con của bà chỉ ký tên trong Biên nhận với tư cách người chứng kiến. Anh T không có vay tiền gì của bà L. Sau khi vay, bà có đăng lãi cho bà L được vài tháng thì hết khả năng trả. Bà có xin bà L cho bà trả vốn thì bà L cũng đồng ý. Bà có trả cho bà L được số tiền 7.600.000 đồng tiền vốn, chứ không phải 7.000.000 đồng tiền lãi như bà L trình bày. Việc trả 7.600.000 đồng này thì bà không có giấy tờ gì. Nay bà chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền 22.400.000 đồng tiền vốn, xin bỏ lãi và xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng.

* Bị đơn anh Nguyễn Thanh T không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với việc bà L khởi kiện.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như trên. Bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Bà L kiện bà B, anh T tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan hệ tranh chấp*: Bà L kiện bà B, anh T tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

- *Về sự vắng mặt của các đương sự*: Xét thấy, bà B, anh T là bị đơn đã được Toà án thông báo, triệu tập hợp lệ để dự phiên tòa xét xử việc bà L kiện đến lần thứ hai, nhưng bà B, anh T vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà B, anh T.

[2]. Về nội dung vụ án:

Ngày 09/02/2016 âl, bà L có cho bà B vay số tiền 30.000.000 đồng. Khi giao nhận tiền hai bên có lập Biên nhận do bà B và con ruột bà B là anh Nguyễn Thanh T ký tên nhận tiền. Hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 3%/tháng, thời hạn vay là 01 năm. Sau khi vay, theo lời bà L khai bà B có trả lãi cho bà được 06 tháng thì ngưng. Sau đó, bà có nhiều lần đến tìm gặp bà B để đòi thì bà B có trả cho bà được 7.000.000 đồng tiền lãi. Bà B mặc dù vắng mặt tại phiên tòa, nhưng theo lời khai của bà B tại Biên bản hòa giải ngày 28/6/2019 thì bà B cho rằng bà có trả cho bà L được

số tiền 7.600.000 đồng tiền vốn, chứ không phải 7.000.000 đồng tiền lãi như bà L trình bày.

Xét thấy, theo Biên nhận đề ngày 09/02/2016 âl, bà B thừa nhận bà và anh T cùng ký tên nhưng không để anh T là người làm chứng nên xác định anh T là người cùng vay tiền với bà B, nên anh T có trách nhiệm cùng bà B trả tiền cho bà L.

Việc bà B khai có trả cho bà L 7.600.000 đồng tiền vốn nhưng bà L chỉ thừa nhận 7.000.000 đồng là trả tiền lãi. Xét lời bà B khai là không có cơ sở vì bà không có chứng cứ chứng minh có trả số tiền 7.600.000 đồng tiền vốn nên xác định bà B trả cho bà L số tiền 7.000.000 đồng và là tiền lãi.

Bà B trả lãi số tiền tổng cộng là 12.400.000 đồng tính đến tháng 04/2017. Tại phiên tòa, bà L yêu cầu trả lãi theo mức lãi suất 1%/tháng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận và tiền lãi cụ thể như sau:

Từ tháng 04/2017 đến tháng 06/2019 (âl) là 26 tháng. Số tiền 30.000.000 đồng x 1%/tháng x 26 tháng thành tiền tiền lãi là 7.800.000 đồng.

Buộc bà B và anh T liên đới trả cho bà L số tiền vốn là 30.000.000 đồng và tiền lãi là 7.800.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 37.800.000 đồng.

Xét yêu cầu xin trả dần của bà B là nhằm kéo dài thời gian trả nợ gây thiệt thòi đến quyền lợi của bà L nên không chấp nhận yêu cầu xin trả dần của bà B.

[3]. Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, nên bà B và anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị L.

- Buộc bà Dương Thị B và anh Nguyễn Thanh T trả cho bà Đặng Thị L số tiền là 37.800.000 đồng.

- Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà B và anh T chậm trả tiền thì hàng tháng còn phải trả thêm tiền lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Dương Thị B và anh Nguyễn Thanh T liên đới chịu 1.890.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại bà L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.168.000 đồng theo biên lai thu số 10305 ngày 24/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

4/ Về quyền kháng cáo: Bà L được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Bà B, anh T được tính từ khi nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

PHẠM VĂN NHỊN